TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ,TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

2. Bà Bùi Lê Phương Thảo.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 260/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ni N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 7A, xã C, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Văn Bá Thành N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 19/1 kiệt 33 đường L, phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 3 năm 2023 và các lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ni N trình bày: Chị Ni N và anh Văn Bá Thành N quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì chúng tôi đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh N không chịu khó làm ăn, không bao giờ đưa vợ tiền để chăm sóc con cái. Thậm chí rất nhiều lần anh N lấy tiền chung của vợ chồng để trả nợ riêng của anh do anh chơi cờ bạc. Vợ chồng chúng tôi mặc dù ở cùng trong gia đình, không ly thân nhưng đã không còn tình cảm với nhau từ lâu. Chị Ni N cho rằng phải chịu đựng, sống chung với

anh N để nuôi dạy con cái và cũng đã nhiều lần tha thứ để hy vọng anh N thay đổi nhưng anh N vẫn không biết chăm lo cho gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Cuộc sống vợ chồng rất áp lực và bế tắc. Vì vậy chị Ni N đã không còn tình cảm với anh N từ 05 năm trước nhưng vì con cái nên vẫn chịu đựng. Nay chị đề nghị được ly hôn với anh N để giải thoát có cơ hội xây dựng cuộc sống. Nếu Tòa án không chấp nhận cho ly hôn thì chị cũng không tiếp tục sống với anh N được nữa vì chị không còn thương yêu anh N nữa. Hiện tại chị Ni N và các con đã chuyển ra ở riêng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Văn Bá Thành N trình bày: Việc tìm hiểu, đi đến kết hôn đúng như chị Ni N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng thỉnh thoảng có những mâu thuẫn với nhau, tuy nhiên vẫn cùng nhau giải quyết khó khăn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không có việc làm nên không có tiền để phục vụ cho sinh hoạt gia đình dẫn đến việc vợ chồng hay xảy ra cãi vã và chị Ni N đã không còn yêu thương anh N nữa nên chị Ni N đã nộp đơn xin ly hôn với anh N. Anh N thừa nhận có lỗi do anh nên dẫn đến việc chị Ni N nộp đơn ly hôn tại Tòa án vì không lắng nghe, chia sẻ khó khăn với chị Ni N. Vì vậy anh đề nghị cho thêm 01 tháng để tạo điều kiện có thêm thời gian để hàn gắn, đoàn tụ lại vợ chồng, sửa chữa lỗi lầm. Nếu sau 01 tháng, chị Ni N vẫn không thay đổi thì anh N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/4/2023 và 30/5/2023, chị Nguyễn Thị Ni N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N; anh Nguyễn Văn Thành N cho rằng mặc dù vợ chồng đã không còn tình cảm nhưng anh vẫn muốn hàn gắn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N khai có hai người con chung là cháu Văn Nguyễn Tuệ C, sinh ngày 06/02/2012 và cháu Văn Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/7/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ. Nếu ly hôn, chị Ni N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Tuệ C và Tuệ M đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh Văn Bá Thành N có ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 24/4/2023 anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một trong hai cháu nhưng đến ngày hòa giải 30/5/2023 anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Ni N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N khai không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ni N, cho chị Nguyễn Thị Ni N được ly hôn với anh Văn Bá Thành N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N có hai con chung là cháu Văn Nguyễn Tuệ C, sinh ngày 06/02/2012 và cháu Văn Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/7/2013; Đề nghị giao hai cháu Tuệ C và Tuệ M cho chị Ni N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ni N và anh Thành N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Ni N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Ni N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; anh Văn Bá Thành N hiện cư trú tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh N thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị Ni N đã cho anh N cơ hội để sửa chữa nhưng anh N vẫn không thay đổi. Đến nay, do không thể chung sống cùng nhau nên chị Ni N đã chuyển ra bên ngoài thuê nhà trọ để sống cùng các con. Kể từ khi sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, tình cảm cũng không còn nên chị Ni N xin ly hôn anh N. Anh Văn Bá Thành N thừa nhận hiện nay vẫn không còn tình cảm vợ chồng, nhưng anh muốn hàn gắn vợ chồng không đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị Ni N không còn thương yêu anh N nữa và đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi,

không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Ni N là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N có hai con chung là cháu Văn Nguyễn Tuệ C, sinh ngày 06/02/2012 và cháu Văn Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/7/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ. Xét hiện nay hai cháu đang ở với chị Ni N, hai cháu đều là con gái và các cháu cũng tha thiết có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét anh N làm việc tự do thu nhập hàng tháng không ổn định còn chị Ni N có công việc ổn định thu nhập mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đủ để chăm lo cho các con. Vì vậy nên giao cháu Tuệ C và Tuệ M cho chị Ni N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ni N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ni N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ni N được ly hôn với anh Văn Bá Thành N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N có hai con chung là cháu Văn Nguyễn Tuệ C, sinh ngày 06/02/2012 và cháu Văn Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/7/2013; giao hai cháu Tuệ C và Tuệ M cho chị Ni N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ni N và anh Văn Bá Thành N xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ni N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/5792 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Ni N đã nộp đủ án phí

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
-VKSND TP Huế;
-THADS TP Huế;
- UBND phường Phường Đúc, thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hằng